

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Vũ Đình Nam

- Thư ký phiên họp: Bà Nông Thị Lương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về yêu cầu “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Ngô Văn D, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đậu Thị N, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Đậu Thị L, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy A – Chức vụ: Chủ tịch UBND.

(Tất cả đều vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

*** Người yêu cầu ông Ngô Văn D trình bày:** Ông D và bà Đậu Thị N chung sống với nhau từ năm 1992 và đã đăng ký kết hôn vào ngày 10/05/2012 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 01.

Trong thời gian chung sống và đăng ký kết hôn bà Đậu Thị N lấy tên là Đậu Thị L (Tên chị gái ruột của bà Đậu Thị N). Bản thân ông D có biết bà N lấy tên Đậu Thị L để đăng ký kết hôn với ông, lý do là trước đây bà N đã sử dụng bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông của chị gái là Đậu Thị L để đi học Sư phạm, năm 1990 bà N ra

trường và về dạy tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Từ đó trở đi bà N sử dụng tên chị gái Đậu Thị L.

Đến năm 2023, khi tiến hành làm căn cước công dân thì các cơ quan có thẩm quyền phát hiện vợ ông sử dụng giấy tờ không đúng tên mình. Trong quá trình chung sống cho đến nay, bản thân ông chỉ chung sống với bà Đậu Thị N chứ không phải là Đậu Thị L. Hiện nay, vợ chồng ông đang chung sống với nhau, nhưng giấy tờ tùy thân không đúng, mà không tự chỉnh sửa được và ảnh hưởng khó khăn khi thực hiện các thủ tục liên quan đến thân nhân và các hồ sơ liên quan khác.

Do đó ông D đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông D và Đậu Thị L theo đăng ký kết hôn số 91, quyển số 01, ngày 10/05/2012, tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đề cho ông D đăng ký kết hôn lại với bà Đậu Thị N, đúng với họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi thường trú, như căn cước công dân và đúng theo quy định pháp luật.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Ngô Ngọc L1, sinh ngày 12/02/1993; cháu Ngô Trà G, sinh ngày 22/8/2000; cháu Ngô Đăng N1, sinh ngày 27/5/2005. Hiện các con chung đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường và tự nuôi sống bản thân. Mặt khác, do ông D chỉ yêu cầu hủy bỏ việc đăng ký kết hôn năm 2012, để kết hôn lại cho đúng quy định, nên các vấn đề con chung ông D không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Đậu Thị L trình bày: Trước đây bà L có cho em gái là Đậu Thị N mượn Bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông để đi học sư phạm, sau đó bà N lấy tên của bà L là Đậu Thị L để đi dạy, làm các giấy tờ liên quan đến nhân thân và làm thủ tục đăng ký kết hôn với ông Ngô Văn D. Việc đăng ký kết hôn lấy tên là Đậu Thị L là dựa trên các giấy tờ mà bà N đã khai báo. Bản thân bà L không chung sống với ông Ngô Văn D. Do vậy, nay ông Ngô Văn D đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật thì bà L đồng ý và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Bà Đậu Thị N trình bày: Bà N và ông Ngô Văn D chung sống với nhau từ năm 1992 và đã đăng ký kết hôn vào ngày 10/05/2012 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K theo giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 01.

Do trước đây bà N đã sử dụng bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông của chị gái là Đậu Thị L để đi học Sư phạm nên lấy tên là Đậu Thị L, năm 1990 bà N ra trường và về dạy tại xã E, huyện K. Từ đó trở đi bà N sử dụng tên chị gái Đậu Thị L, tại thời điểm kết hôn cũng sử dụng tên chị gái Đậu Thị L, để đăng ký kết hôn với ông Ngô Văn D, nhưng thực tế bà N mới là người chung sống với ông D.

Đến năm 2023, khi tiến hành làm căn cước công dân thì các cơ quan có thẩm quyền phát hiện bà N, sử dụng giấy tờ không đúng tên mình. Hiện nay, vợ chồng bà đang chung sống với nhau, nhưng giấy tờ tùy thân không đúng, mà không tự chỉnh

sửa được và ảnh hưởng khó khăn khi thực hiện các thủ tục liên quan đến thân nhân và các hồ sơ liên quan khác.

Nay ông Ngô Văn D đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Ngô Văn D và Đậu Thị L theo đăng ký kết hôn số 91, quyền số 01, ngày 10/05/2012, tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thì bà N đồng ý vì người chung sống với ông D là bà N chứ không phải bà Đậu Thị L.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Ngô Ngọc L1, sinh ngày 12/02/1993; cháu Ngô Trà G, sinh ngày 22/8/2000; cháu Ngô Đăng N1, sinh ngày 27/5/2005. Hiện các con chung đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường và tự nuôi sống bản thân nên bà N không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Duy A - Đại diện UBND xã E trình bày: Ngày 10/5/2012 bà Đậu Thị L và ông Ngô Văn D có đến UBND xã E làm thủ tục đăng ký kết hôn, tại thời điểm đăng ký ông D, bà L xuất trình đầy đủ giấy tờ gồm: Cam đoan chưa đăng ký kết hôn với ai lần nào, tờ khai đăng ký kết hôn và giấy chứng minh nhân dân. UBND xã E căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 25, 27 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ, thực hiện chứng nhận đăng ký kết hôn cho ông Ngô Văn D, sinh năm 1968 và bà Đậu Thị L, sinh năm 1970 đúng quy định của pháp luật. Nay ông D đề nghị Hủy kết hôn trái pháp luật thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc nhận thấy ông Ngô Văn D yêu cầu tuyên hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 91 quyền số 01 ngày 10/5/2012 của Ủy ban nhân dân xã E, huyện K là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Căn cứ Điều 4, Điều 9, Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc chấp nhận đơn của ông Ngô Văn D, tuyên hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Đậu Thị L và ông Ngô Văn D theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91 quyền số 01 ngày 10/5/2012 của Ủy ban nhân dân xã E, huyện K. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự và loại việc này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại khoản 2 Điều 35; khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ việc xác định: Ngày 10/5/2012 UBND xã E, huyện K đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho ông Ngô Văn D, sinh năm 1968, Chứng minh nhân dân số 240857227 và bà Đậu Thị L, sinh năm 1970, Chứng minh nhân dân số 240967373 (Thường trú tại: Thôn A, xã E, huyện K), Số GCNKH: 91, quyển số 01. Tuy nhiên, ông Ngô Văn D không hề chung sống cùng bà Đậu Thị L. Người chung sống cùng ông Ngô Văn D từ năm 1992 đến nay là bà Đậu Thị N - sinh ngày 22/12/1970. Bà mượn giấy tờ của bà Đậu Thị L (Là chị gái ruột) để kê khai và làm các thủ tục liên quan.

Năm 2023, khi bà N đi làm thủ tục cấp căn cước công dân thì các cơ quan có thẩm quyền phát hiện tên Đậu Thị L mà bà N đang sử dụng không đúng nên đã làm thủ tục hủy bỏ việc đăng ký và cấp Căn cước công dân cho bà đúng với Giấy khai sinh của bà N. Ngày 14/01/2025 Công an xã E, huyện K đã xác nhận bà Đậu Thị N, sinh ngày 22/12/1970, Căn cước công dân số 042170009448 và tên Đậu Thị L, sinh ngày 22/12/1970, Chứng minh nhân dân số 240967373 là người đứng tên trong Giấy chứng nhận kết hôn với ông Ngô Văn D là cùng một người. Ngày 02/5/2023 Công an xã E đã hủy đăng ký thường trú Đậu Thị L, sinh ngày 22/12/1970 đăng ký thường trú tại Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 02/6/2023 Công an xã E đã đăng ký thường trú cho bà Đậu Thị N, sinh ngày 22/12/1970 tại Thôn A, xã E, huyện K (Số hồ sơ hộ khẩu 24496-004338).

Do vậy, việc ông Ngô Văn D yêu cầu Tòa án Nhân dân huyện Krông Pắc hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Ngô Văn D và bà Đậu Thị L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91 quyển số 01 ngày 10/5/2012 của Ủy ban nhân dân xã E, huyện K là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Các con chung cháu Ngô Ngọc L1, sinh ngày 12/02/1993; cháu Ngô Trà G, sinh ngày 22/8/2000; cháu Ngô Đăng N1, sinh ngày 27/5/2005 đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường và tự nuôi sống bản thân, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về lệ phí: Đương sự phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 29, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 366, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 4, Điều 9, Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng: Điều 36 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Ngô Văn D:

Hủy bỏ việc kết hôn giữa ông Ngô Văn D và bà Đậu Thị L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91 quyền số 01 ngày 10/5/2012 của Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Về con chung: Các con chung cháu Ngô Ngọc L1, sinh ngày 12/02/1993; cháu Ngô Trà G, sinh ngày 22/8/2000; cháu Ngô Đăng N1, sinh ngày 27/5/2005 đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường và tự nuôi sống bản thân, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Ngô Văn D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0003064 ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định (đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn tính từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự).

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã E, huyện K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Vũ Đình Nam